

Bản án số: 25/2022/HS-ST

Ngày: 12/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng;

Thẩm phán: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Thái, ông Huỳnh Công Trí và ông Đinh Công Danh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Giang Nin – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Minh – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đoàn T S, sinh năm 1978; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: khu phố 5, phường L, thành phố H, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn X, sinh năm 1940 và bà Trần T X, sinh năm 1945; tiền án: - Ngày 01/7/2005, TAND Cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm tuyên phạt 09 năm tù về tội Cướp giật tài sản. Chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự; - Ngày 29/3/2017, TAND huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 05/7/2017, TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt chung với bản án ngày 29/3/2017 của TAND huyện M'Đrăk là 03 năm tù. Chấp hành xong 02 bản án ngày 27/5/2019. Nhân thân: - Ngày 07/8/1996, Công an thị trấn Phú Lâm, huyện Tuy Hòa (cũ), xử phạt hành chính 50.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; - Ngày 26/11/2003, Công an huyện Tuy Hòa (cũ), xử phạt hành chính, 200.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; - Ngày 28/11/2003, Công an huyện Tuy Hòa (cũ), Phú Yên xử phạt hành chính 200.000 đồng về hành vi chống người thi hành công vụ; - Ngày 20/11/2002, TAND tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù về tội trộm

cấp tài sản; tạm giam từ ngày 30/12/2021 đến nay tại Tại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Lê N Q N, sinh năm 1997; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Tổ 6, KP T, phường 7. thành phố H, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê V T, sinh năm 1962 và bà Phan T M, sinh năm 1964; có chồng Trần T P, sinh năm 1994 và có 01 con, sinh năm: 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Lê V T, sinh năm 1999; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Tổ 6, KP T, phường 7. thành phố H, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê V T, sinh năm 1962 và bà Phan T M, sinh năm 1964; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2021 đến ngày 13/7/2021. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo Đoàn T S:

1. Luật sư Nguyễn Hương Quê – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Phúc Luật, Đoàn luật sư Phú Yên. Có mặt.

2. Luật sư Nguyễn Hồng Quân – Luật sư Công ty Luật TNHH Trung Quân, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo Lê Ngọc Quỳnh Như: Luật sư Trần Thị Như Thủy – Luật sư Văn phòng luật sư Dân Phúc, Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê T T, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Tổ 6, KP Bà Triệu, phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

2. Trần T P, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 6, KP Bà Triệu, phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Nguyễn X T, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Mỹ Phú 2, xã An Nghiệp. huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. Lê T B, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ 3, KP Nguyễn Thái Học, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. Phan T P, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn Phú Long, xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

6. Trình V T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Hoàng Văn Thụ, phường 9, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

7. Nguyễn V D, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn Phước Hậu, phường 9, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

8. Nguyễn T M, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Khu phố 1, phường Phú Lâm, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

9. Nguyễn H M, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Khu phố 2, phường Bình Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 10/2020, Lê N Q N biết Đoàn T S bán ma túy nên đã liên hệ mua ma túy của S để bán kiếm lời. Tại quán Bar T ở Phường 7, TP. Tuy Hòa, N đã 02 lần mua ma túy của S, mỗi lần mua 02 viên thuốc lắc và 02 chầm ma túy Khay, tổng cộng 4.600.000 đồng, N bán số ma túy này cho 05 người (chưa xác định), thu lợi được 1.000.000 đồng. Đến tháng 11/2020, N gọi điện cho S đặt mua 30 viên ma túy thuốc lắc và ½ hộp 5 ma túy Khay, với giá 10.500.000 đồng. S đồng ý và nói N đến nhà S để lấy ma túy nên N điều khiển xe mô tô 78C1-5544X đến nhà S ở khu phố 5, phường L, TP. H nhận 30 viên ma túy thuốc lắc và ½ hộp 5 ma túy Khay rồi đưa cho S 10.500.000 đồng. N bán số ma túy này cho Nguyễn X T, Phan T P và 03 người khác gồm Tể L L, M và một phụ nữ (chưa xác định) 21 viên thuốc lắc và 06 chầm ma túy với tổng số tiền 13.800.000 đồng. Ngày 19/12/2020, N tiếp tục gọi điện cho S đặt mua 200 viên thuốc lắc và 04 hộp 10 ma túy Khay, S nói nếu lấy 400 viên thuốc lắc và 04 hộp 10 ma túy Khay, tổng cộng 128.000.000 đồng, S sẽ bớt 8.000.000 đồng, còn 120.000.000 đồng. N đồng ý, S cho N số tài khoản 0400987710xx của S, để chuyển tiền, khoảng 18 giờ ngày 21/12/2020, N đến cửa hàng Viettel ở đường Nguyễn Huệ, TP. Tuy Hòa chuyển 30.000.000 đồng vào tài khoản của S để trả tiền mua ma túy. Khoảng 17 giờ ngày 24/12/2020, N đi xe taxi đến nhà S lấy 400 viên thuốc lắc dạng nén màu hồng, màu xanh và 04 hộp 10 ma túy Khay và trả tiếp cho S 15.000.000 đồng tiền mua ma túy. Sau đó, S nhắn tin cho N nói chuyển tiền mua ma túy vào số tài khoản 037128486xx tên Trịnh T A TH. Khoảng 19 giờ ngày 24/12/2020, N đến cửa hàng Viettel ở đường Nguyễn Huệ, TP. Tuy Hòa chuyển vào tài khoản của Trịnh T A TH 30.000.000 đồng để trả tiền mua ma túy theo yêu cầu của S. Tổng cộng N đã trả cho S 75.000.000 đồng, còn nợ S 45.000.000 đồng tiền mua ma túy. Sau khi mua ma túy của S, N đem về nhà cất giấu rồi bán lại cho Lê T B, T, N và 02 người khác (chưa xác định). Quá trình bán ma túy, N đã 02 lần nhờ Lê V T (em ruột N) đi bán ma túy cho N 02 lần cụ thể: lần thứ 1, khoảng đầu tháng 01/2021, N nói T lấy 01 viên thuốc lắc và 01 chầm ma túy Khay trong cốp xe mô tô 78C1-579.1X, đem đến trước quán karaoke Phú Mới bán cho người phụ nữ (chưa xác định) nhận 1.400.000 đồng về đưa lại cho N, N cho T 100.000 đồng; Lần thứ 2, khoảng 16 giờ 00 ngày 15/01/2021, N tiếp tục nói T lấy 01 viên ma túy thuốc lắc và 02 chầm ma túy khay đem bán cho một người phụ nữ (chưa xác định) tại quán

karaoke Phú Mới, khi T đem ma túy đến trước cửa quán karaoke Phú Mới thì bị bắt quả tang.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của T và N ở tổ 6, khu phố T, Phường 7, thành phố Tuy Hòa, Cơ quan điều tra thu giữ của N tổng cộng 40,986g ma túy loại Ketamine và 129,362g ma túy loại MDMA.

Tại kết luận giám định số 10/GĐ-PC09 ngày 18/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên, kết luận: 02 gói chất tinh thể màu trắng tạm giữ của Lê V T có khối lượng là 0,587g là chất ma túy loại Ketamine; 43 bì nilon chứa chất tinh thể màu trắng và tinh thể màu trắng tạm giữ của Lê N Q N có tổng khối lượng là 40,986g là chất ma túy loại Ketamine; 368 viên nén màu hồng có tổng khối lượng là 128,933g và 01 viên nén màu vàng có khối lượng là 0,429g là chất ma túy loại MDMA. (BL: 281-283).

Tại bản Cáo trạng số: 10/CT-VKS-P1 ngày 07/03/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Đoàn T S, Lê N Q N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” Điểm h, khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê V T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” Điểm b, khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, bị cáo Lê N Q N và Lê V T khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng; bị cáo Đoàn T S không thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo khai rằng ngày 24/12/2020 bị cáo đang ở Sài Gòn cùng với Q, Đ nên không có việc mua bán ma túy cùng với N.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Đoàn T S, Lê N Q N và Lê V T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Áp dụng Điểm h, Khoản 4 Điều 251; Điểm g, h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn T S xử phạt bị cáo Tù chung thân; áp dụng Điểm h, Khoản 4 Điều 251; Điểm n, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê N Q N từ 15 đến 16 năm tù; áp dụng Điểm b, Khoản 2 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê V T từ 5 năm đến 6 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo S, N phạt bổ sung Đ T S 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng; Lê N Q N 15 đến 20 triệu đồng để xung quỹ nhà nước. Buộc bị cáo Lê N Q N phải nộp lại số tiền 5.700.000đồng (tiền phạm tội mà có).

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: - 01 bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: “Công an tỉnh Phú Yên. Phòng Kỹ thuật hình sự. Hoàn trả cho Cơ quan CSĐT CAT Phú Yên:

Tinh thể màu trắng gồm: $A_1=0,497g$, $A_3=0,019g$, $A_4=7,095g$, $A_5=17,974g$, $A_{11}=13,747g$. Viên nén màu hồng gồm: $A_6=33,887g$, $A_7=34,289g$, $A_8=34,626g$, $A_{9,1}=23,167g$. Viên nén màu vàng: $A_{10,2}=0,263g$ còn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 10/GĐ-PC09, ngày 18/01/2021”. Mặt sau có 03 chữ kí niêm phong của giám định viên Nguyễn Hương, 01 chữ kí của Thượng tá Lương Tấn Nhật và có 04 dấu tròn của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên ở 04 góc; - 01 bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: “Công an tỉnh Phú Yên. Phòng Kỹ thuật hình sự. Hoàn trả cho Cơ quan CSĐT CAT Phú Yên: $A_2=0,132g$, $A_{9,2}=7,807g$, $A_{9,3}=0,414g$, $A_{10,1}=1,714g$ còn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 10/GĐ-PC09, ngày 18/01/2021”. Mặt sau có 03 chữ kí niêm phong của giám định viên Nguyễn Hương, 01 chữ kí của Thượng tá Lương Tấn Nhật và có 04 dấu tròn của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên ở 04 góc; - 01 bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: “Công an tỉnh Phú Yên. Phòng Kỹ thuật hình sự. Hoàn trả cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên (Phòng PC04) $A_1 = 0,003g$ còn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 04/KL-PC09, ngày 10/01/2022”. Mặt sau có 03 chữ kí niêm phong của giám định viên Nguyễn Hương, 02 chữ kí của Thượng tá Phạm Ngọc Toàn và có 04 dấu tròn của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên ở 04 góc; - 01 bao bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: “Công an tỉnh Khánh Hòa. Phòng Kỹ thuật hình sự. Vụ 56/GĐ/2022. Mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng: 0,385gam” và 01 dấu tròn của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa. Mặt sau có 03 chữ kí niêm phong của Thượng tá Nguyễn Khắc Huy, Nguyễn Hương Thảo, Nguyễn Hoàng Quang Anh và có 03 dấu tròn của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa; - 04 đoạn ống nhựa màu trắng, 01 đoạn ống nhựa màu đỏ, 01 bình thủy tinh; - 01 vỏ lon sữa màu đồng hiệu Enfamama cao 12cm, đường kính 10cm; - 01 cân điện tử màu đen, kích thước (06x03)cm; - 25 bì nilon màu trắng, kích thước (02x1,5)cm chưa qua sử dụng; - 01 đèn led màu trắng, dài 20cm, dây đèn màu đen; 01 chiếc kéo kim loại màu trắng, dài 14cm; 01 đèn led màu đen hình trụ tròn, đường kính 16cm, có dây cắm điện; 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính 22,5cm, dưới đáy đĩa bị cháy đen; 01 cái kiếm bằng sắt dài 60cm, tay cầm màu đen; 07 ống hút nhựa màu trắng, dài 21cm, đường kính 1,5cm, một đầu nhọn; 02 thẻ card, kích thước (8,5x5)cm; 01 ống hút màu trắng, dài 28cm, đường kính 0,5cm, có nhiều nếp gấp lò xo; 01 bì nilon loại bì hai quai, bên trong chứa nhiều bì nilon trong suốt, một đầu được vuốt mép, kích thước (04x07)cm và (09x06)cm, chưa qua sử dụng; - 01 bình ga mini có gắn 01 cái khò màu xanh đen; - 33 chiếc bật lửa nhiều màu sắc khác nhau.

- Tịch thu sung quỹ: - 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 78C1-554.4X của bị cáo T; - 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê V T; - 01 xe mô tô hiệu Ariblade, biển số 78C1-579.1X, 01 chìa khóa từ màu đen của bị cáo N; - 01 giấy CN đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê N Q N; - 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đồng của bị cáo N; - 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu hồng của bị cáo T.

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: - 01 xe mô tô hiệu SH, biển số 59L1-833.3X của bị cáo S.

- Tuyên trả cho các bị cáo N, T: - 01 giấy CMND số 2214939XX mang tên Lê V T; - 01 giấy phép lái xe số 4801770104XX mang tên Lê V T;; - 01 giấy

CMND số 22138629X mang tên Lê N Q N; - 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank mang tên Lê N Q N.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn T S luật sư Nguyễn Hương Quê trình bày lời bào chữa: Tại phiên tòa bị cáo Đ T S khai vào ngày 24/12/2020 bị cáo đang ở thành phố Hồ Chí Minh có anh Nguyễn V Q và Tạ T P làm chứng cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm sáng tỏ tình tiết vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn T S luật sư Hồng Quân trình bày lời bào chữa: Bị cáo Đoàn T S không phạm tội quả tang, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên quy kết bị cáo chỉ dựa vào lời khai của bị cáo N; tài liệu điện thoại trích xuất giữa bị cáo N và bị cáo S có liên lạc qua điện thoại nhưng mỗi cuộc gọi thời lượng quá ngắn không đủ để chứng minh việc trao đổi ma túy; đối với số tiền 30 triệu đồng bị cáo N chuyển vào tài khoản cho bị cáo S chưa đủ tài liệu chứng minh giao dịch này trên là chuyển tiền mua bán ma túy, bị cáo S không quen biết Trịnh T A TH và cũng không có việc TH chuyển tiền lại cho bị cáo S; ngày 24/12/2020 bị cáo S đang làm bảo vệ quán cà phê gạch tại thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó tôi đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ ngày 24/12/2020 bị cáo S ở đâu và TH là ai.

Người bào chữa cho bị cáo Lê N Q N trình bày lời bào chữa: Thống nhất với tội danh Cáo trạng truy tố; bị cáo có nhân thân tốt được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; nuôi con 16 tháng tuổi; bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điểm t, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức đề nghị của Kiểm sát viên và không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trong phần đối đáp, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm, các bị cáo N, T xin tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và người đại diện hợp pháp của họ không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Nhưng xét thấy, những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, chấp nhận ý kiến của bị

cáo, người bào chữa của các bị cáo và Kiểm sát viên, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê N Q N, Lê V T tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, khám xét chỗ ở khẩn cấp, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu là chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

[2.2] Trong quá trình điều tra, bị cáo Lê N Q N vẽ sơ đồ xác định chính xác nhà ở của bị cáo Đ T S tại khu phố 5, phường L, thành phố H, tỉnh Phú Yên; qua nhận dạng, bị cáo N xác định chính xác bị cáo Đoàn T S chính là người đã bốn lần bán ma túy cho bị cáo N; qua kiểm tra điện thoại của bị cáo N, trong danh bạ điện thoại có lưu số điện thoại của bị cáo S là số 077745175X; Công ty viễn thông Mobifone cung cấp: Số điện thoại 033513558X của bị cáo N và số điện thoại 077745175X của bị cáo S có liên lạc với nhau vào lúc 16 giờ 26 phút ngày 23/11/2020 và lúc 18 giờ 08 phút ngày 19/12/2020.

[2.3] Về giao dịch chuyển tiền: Lúc 18 giờ 26 phút ngày 21/12/2020, N nộp 30.000.000đồng vào số tài khoản 040098771011 của S mở tại Ngân hàng Sacombank. Cùng ngày S đã trực tiếp rút tiền tại Chi nhánh Ngân hàng Sacombank Sư Vạn Hạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình điều tra S khai không biết ai chuyển tiền cho mình nhưng tại phiên tòa S khai là do Trần T P chuyển nhưng P không thừa nhận. Mặt khác, S còn khai ngày 24/12/2020 S không có mặt ở thành phố H mà ở thành phố Hồ Chí Minh với nhiều người trong đó có Trần T P nhưng P cũng không thừa nhận. Bị cáo S Còn khai P có chở N đến nhà S để mua bán yến sào nhưng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cả N và P đều khai không có sự việc trên. Xét thấy, lời khai của bị cáo S trước sau không thống nhất, mâu thuẫn không đáng tin cậy nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Xét thấy, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật, việc điều tra đã đầy đủ, đã làm rõ các tình tiết khách quan của vụ án, chứng minh được hành vi phạm tội của các bị cáo. Lời khai của bị cáo Như trước sau đều thống nhất về thời gian, địa điểm, số lượng ma túy mua bán, cách thức liên lạc để thực hiện việc mua ma túy và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

[2.5] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 10/2020 đến ngày 15/01/2021, trên địa bàn thành phố H, tỉnh Phú Yên, Đoàn T S đã 04 lần bán ma túy cho Lê N Q N, tổng cộng 434 viên thuốc lắc; 04 hộp ma túy khay; ½ hộp 5 ma túy khay và 04 chাম ma túy khay, với tổng số tiền 135.100.000đồng. Sau khi mua ma túy N đã bán lại cho 14 con nghiện với 17 lần gồm 27 viên ma túy thuốc lắc, 04 gói ½ hộp 5 khay ma túy khay và 13 chাম ma túy khay; trong đó, Lê V T 02 lần đi bán ma túy vào khoảng đầu tháng 01/2021 và

ngày 15/01/2021 cho N thì bị bắt quả tang, thu giữ tổng cộng 0,587g ma túy loại Ketamine. Số ma túy còn lại bị phát hiện thu giữ là 41,573g chấy ma túy loại Ketamine và 129,362g chất ma túy MDMA. Do đó, bản Cáo trạng số: 10/CT-VKS-P1 ngày 07/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo Đoàn T S, Lê N Q N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê V T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2.6] Các luật sư bào chữa cho bị cáo Đoàn T S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng từ những phân tích, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo Đoàn T S, Lê N Q N, Lê V T rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc dược của Nhà nước, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an – an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử phạt nghiêm khắc. Xét tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Đối với bị cáo Đoàn T S: Bị cáo S là người bán ma túy cho bị cáo N để bị cáo N bán lại cho những người khác. Bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần vi phạm pháp luật bị xử phạt hành chính về nhiều hành vi khác nhau, nhiều lần bị kết án về nhiều tội phạm khác nhau, trong đó có lần bị kết án chưa được xoá án tích. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và phạm tội 02 (hai) lần trở lên là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h, g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải, bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng một hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội không thời hạn mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[3.2] Đối với bị cáo Lê N Q N: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân bị cáo đã mua ma túy từ bị cáo S để bán lại ma túy cho nhiều người khác nhằm thu lợi bất chính. Bị cáo Lê N Q N phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cần xử phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Khi phạm tội bị cáo đang mang thai, hiện nay đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; sau khi phạm tội bị cáo N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[3.3] Đối với bị cáo Lê V T: Bị cáo T biết rõ việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã nhiều lần giúp Lê N Q N đi giao ma túy và thu tiền bán ma túy cho những người khác nên đối với bị cáo cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tham gia tội phạm với vai trò thứ yếu, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại Điểm s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên áp dụng quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Xét thấy, các bị cáo Đoàn T S, Lê N Q N thực hiện hành vi mua bán ma túy nhằm thu lợi bất chính nên áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Đoàn T S, Lê N Q N theo quy định tại Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[5] Về biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm xác định, bị cáo Lê N Q N thu lợi bất chính số tiền 5.700.000đồng từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Lê N Q N nộp lại số tiền 5.700.000đồng để sung quỹ nhà nước là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] - 01 bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: “*Công an tỉnh Phú Yên. Phòng Kỹ thuật hình sự. Hoàn trả cho Cơ quan CSĐT CAT Phú Yên: Tinh thể màu trắng gồm: $A_1=0,497g$, $A_3=0,019g$, $A_4=7,095g$, $A_5=17,974g$, $A_{11}=13,747g$. Viên nén màu hồng gồm: $A_6=33,887g$, $A_7=34,289g$, $A_8=34,626g$, $A_{9,1}=23,167g$. Viên nén màu vàng: $A_{10,2}=0,263g$ còn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 10/GĐ-PC09, ngày 18/01/2021*”. Mặt sau có 03 chữ kí niêm phong của giám định viên Nguyễn Hương, 01 chữ kí của Thượng tá Lương Tấn Nhật và có 04 dấu tròn của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên ở 04 góc; - 01 bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: “*Công an tỉnh Phú Yên. Phòng Kỹ thuật hình sự. Hoàn trả cho Cơ quan CSĐT CAT Phú Yên: $A_2=0,132g$, $A_{9,2}=7,807g$, $A_{9,3}=0,414g$, $A_{10,1}=1,714g$ còn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 10/GĐ-PC09, ngày 18/01/2021*”. Mặt sau có 03 chữ kí niêm phong của giám định viên Nguyễn Hương, 01 chữ kí của Thượng tá Lương Tấn Nhật và có 04 dấu tròn của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên ở 04 góc; - 01 bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: “*Công an tỉnh Phú Yên. Phòng Kỹ thuật hình sự. Hoàn trả cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công*

an tỉnh Phú Yên (Phòng PC04) $A_1 = 0,003g$ còn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 04/KL-PC09, ngày 10/01/2022”. Mặt sau có 03 chữ kí niêm phong của giám định viên Nguyễn Hướng, 02 chữ kí của Thượng tá Phạm Ngọc Toàn và có 04 dấu tròn của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên ở 04 góc; - 01 bao bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: “Công an tỉnh Khánh Hòa. Phòng Kỹ thuật hình sự. Vụ 56/GĐ/2022. Mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng: 0,385gam” và 01 dấu tròn của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa. Mặt sau có 03 chữ kí niêm phong của Thượng tá Nguyễn Khắc Huy, Nguyễn Hương Thảo, Nguyễn Hoàng Quang Anh và có 03 dấu tròn của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa; - 04 đoạn ống nhựa màu trắng, 01 đoạn ống nhựa màu đỏ, 01 bình thủy tinh; - 01 vỏ lon sữa màu đồng hiệu Enfamama cao 12cm, đường kính 10cm; - 01 cân điện tử màu đen, kích thước (06x03)cm; - 25 bì nilon màu trắng, kích thước (02x1,5)cm chưa qua sử dụng; - 01 đèn led màu trắng, dài 20cm, dây đèn màu đen; 01 chiếc kéo kim loại màu trắng, dài 14cm; 01 đèn led màu đen hình trụ tròn, đường kính 16cm, có dây cắm điện; 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính 22,5cm, dưới đáy đĩa bị cháy đen; 01 cái kiếm bằng sắt dài 60cm, tay cầm màu đen; 07 ống hút nhựa màu trắng, dài 21cm, đường kính 1,5cm, một đầu nhọn; 02 thẻ card, kích thước (8,5x5)cm; 01 ống hút màu trắng, dài 28cm, đường kính 0,5cm, có nhiều nếp gấp lò xo; 01 bì nilon loại bì hai quai, bên trong chứa nhiều bì nilon trong suốt, một đầu được vuốt mép, kích thước (04x07)cm và (09x06)cm, chưa qua sử dụng; - 01 bình ga mini có gắn 01 cái khò màu xanh đen; - 33 chiếc bật lửa nhiều màu sắc khác nhau; là các đồ vật liên quan đến vụ án, nhưng không còn giá trị sử dụng và không sử dụng được, nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm c, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy, là có cơ sở chấp nhận.

[6.2] - 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 78C1-554.4X của bị cáo T; - 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê V T; - 01 xe mô tô hiệu Ariblade, biển số 78C1-579.1X, 01 chìa khóa từ màu đen của bị cáo N; - 01 giấy CN đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê N Q N; - 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đồng của bị cáo N; - 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu hồng của bị cáo T là tài sản mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội; nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo Điểm a, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[6.3] - 01 giấy CMND số 22149398X mang tên Lê V T; - 01 giấy phép lái xe số 4801770104XX mang tên Lê V T; - 01 giấy CMND số 2213862XX mang tên Lê N Q N; - 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank mang tên Lê N Q N là tài sản hợp pháp của các bị cáo và không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

[6.4] - 01 xe mô tô hiệu SH, biển số 59L1-833.3X của bị cáo Đoàn T S, bị cáo S còn thi hành hình phạt bổ sung nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng đều có đặc điểm mô tả, như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10/3/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên).

[7] Về án phí: Các bị cáo Đoàn T S, Lê N Q N, Lê V T bị kết án, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Đối với các đối tượng Nguyễn X T, Phan T P, Lê T B đã mua ma túy của Lê N Q N để sử dụng nên hành vi không cấu thành tội phạm; Các đối tượng N khai đã mua ma túy của N tên Tê L L, M, N, H và 08 người khác đều không xác định được nhân thân, lai lịch không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn T S, Lê N Q N, Lê V T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

1. Về Hình phạt:

- Áp dụng Điểm h, Khoản 4, Khoản 5 Điều 251; Điểm g, h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Phạt: Bị cáo Đoàn T S Tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/12/2021.

Phạt bổ sung bị cáo Đoàn T S 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng Điểm h, Khoản 4, Khoản 5 Điều 251; Điểm n, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Phạt: Bị cáo Lê N Q N 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê N Q N 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo Lê N Q N phải nộp số tiền 5.700.000 sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng Điểm b, Khoản 2 Điều 251; Điểm s, Khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Phạt: Bị cáo Lê V T 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2021 đến ngày 13/7/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, c, Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c, Khoản 2; Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu tiêu hủy: - 01 bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: “Công an tỉnh Phú Yên. Phòng Kỹ thuật hình sự. Hoàn trả cho Cơ quan CSĐT CAT Phú Yên: Tinh thể màu trắng gồm: $A_1=0,497g$, $A_3=0,019g$, $A_4=7,095g$, $A_5=17,974g$, $A_{11}=13,747g$. Viên nén màu hồng gồm: $A_6=33,887g$, $A_7=34,289g$, $A_8=34,626g$, $A_{9.1}=23,167g$. Viên nén màu vàng: $A_{10.2}=0,263g$ còn lại sau giám định theo Kết

luyện giám định số 10/GĐ-PC09, ngày 18/01/2021”. Mặt sau có 03 chữ kí niêm phong của giám định viên Nguyễn Hương, 01 chữ kí của Thượng tá Lương Tấn Nhật và có 04 dấu tròn của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên ở 04 góc; - 01 bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: “*Công an tỉnh Phú Yên. Phòng Kỹ thuật hình sự. Hoàn trả cho Cơ quan CSĐT CAT Phú Yên: $A_2=0,132g$, $A_{9,2}=7,807g$, $A_{9,3}=0,414g$, $A_{10,1}=1,714g$ còn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 10/GĐ-PC09, ngày 18/01/2021*”. Mặt sau có 03 chữ kí niêm phong của giám định viên Nguyễn Hương, 01 chữ kí của Thượng tá Lương Tấn Nhật và có 04 dấu tròn của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên ở 04 góc; - 01 bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: “*Công an tỉnh Phú Yên. Phòng Kỹ thuật hình sự. Hoàn trả cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên (Phòng PC04) $A_1 = 0,003g$ còn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 04/KL-PC09, ngày 10/01/2022*”. Mặt sau có 03 chữ kí niêm phong của giám định viên Nguyễn Hương, 02 chữ kí của Thượng tá Phạm Ngọc Toàn và có 04 dấu tròn của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên ở 04 góc; - 01 bao bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: “*Công an tỉnh Khánh Hòa. Phòng Kỹ thuật hình sự. Vụ 56/GĐ/2022. Mẫu vật hoàn lại sau giám định có khối lượng: 0,385gam*” và 01 dấu tròn của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa. Mặt sau có 03 chữ kí niêm phong của Thượng tá Nguyễn Khắc Huy, Nguyễn Hương Thảo, Nguyễn Hoàng Quang Anh và có 03 dấu tròn của Phòng kĩ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa; - 04 đoạn ống nhựa màu trắng, 01 đoạn ống nhựa màu đỏ, 01 bình thủy tinh; - 01 vỏ lon sữa màu đồng hiệu Enfamama cao 12cm, đường kính 10cm; - 01 cân điện tử màu đen, kích thước (06x03)cm; - 25 bì nilon màu trắng, kích thước (02x1,5)cm chưa qua sử dụng; - 01 đèn led màu trắng, dài 20cm, dây đèn màu đen; 01 chiếc kéo kim loại màu trắng, dài 14cm; 01 đèn led màu đen hình trụ tròn, đường kính 16cm, có dây cắm điện; 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính 22,5cm, dưới đáy đĩa bị cháy đen; 01 cái kiếm bằng sắt dài 60cm, tay cầm màu đen; 07 ống hút nhựa màu trắng, dài 21cm, đường kính 1,5cm, một đầu nhọn; 02 thẻ card, kích thước (8,5x5)cm; 01 ống hút màu trắng, dài 28cm, đường kính 0,5cm, có nhiều nếp gấp lò xo; 01 bì nilon loại bì hai quai, bên trong chứa nhiều bì nilon trong suốt, một đầu được vuốt mép, kích thước (04x07)cm và (09x06)cm, chưa qua sử dụng; - 01 bình ga mini có gắn 01 cái khò màu xanh đen; - 33 chiếc bật lửa nhiều màu sắc khác nhau.

+ **Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:** - 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đồng của bị cáo Lê N Q N; - 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu hồng của bị cáo Lê V T ; - 01 xe mô tô hiệu Ariblade, biển số 78C1-579.1X, 01 chìa khóa từ màu đen; - 01 giấy CN đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê N Q N; - 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 78C1-554.4X; - 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lê V T.

+ Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: - 01 xe mô tô hiệu SH, biển số 59L1-833.3X của bị cáo Đoàn T S.

+ Tuyên trả cho bị cáo Lê N Q N; - 01 giấy CMND số 22138629X mang tên Lê N Q N; - 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank mang tên Lê N Q N

+ Tuyên trả cho bị cáo Lê V T: - 01 giấy CMND số 2214939XS mang tên Lê V T; - 01 giấy phép lái xe số 4801770104XX mang tên Lê V T.

(Các vật chứng đều có đặc điểm mô tả, như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10/3/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên).

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Đ T S, Lê N Q N, Lê V T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC Đà Nẵng ;
- VKSNDCC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- P.KTNV - THAHS;
- Cục THADS Phú Yên ;
- Lưu TA, THS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hùng